

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HS-ST

Ngày 10/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Kiên Cường

2. Ông Lương Tuấn Nhã

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Kim Dung- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Mạc Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2019/HSST, ngày 04 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Triệu Thị Q, sinh ngày 25/10/1984, tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT: xã M, huyện U, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ, Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Văn H; con bà Lục Thị N; Có chồng là Phùng Văn T và có 02 con (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

***Nguyên đơn dân sự:** Cục thuế tỉnh Bắc Kạn; Địa chỉ: Tổ N, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy T1 - Chức vụ: Cục trưởng (vắng mặt).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lèng Thị Thu H1 sinh năm 1979, (vắng mặt)

2. Ông Triệu Văn H2 sinh năm 1982, (vắng mặt)

3. Ông Triệu Văn K sinh năm 1977, (vắng mặt)

4. Ông Triệu Văn Q sinh năm 1978, (vắng mặt)

Cùng trú tại: thôn C, xã R, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

5. Ông Lục Xuân T2 sinh năm 1985, (vắng mặt)

Trú tại: thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

6. Bà Dương Thị Hồng N1 sinh năm 1989, (vắng mặt)

Trú tại: Tổ N, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

7. Bà Dương Thị H3 sinh năm 1978, (vắng mặt)

Trú tại: Tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

8. Ông Ngô Trí H4 sinh năm 1994, (vắng mặt)

Trú tại: phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

9. Ông Nguyễn Văn L sinh năm 1977, (vắng mặt)

Trú tại: thôn N, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.

10. Ông Nguyễn Hữu S sinh năm 1967, (vắng mặt)

Trú tại: thôn I, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.

11. Ông Nguyễn Phúc L1 sinh năm 1991, (vắng mặt)

Trú tại: thôn G, xã Đ, huyện U, thành phố Hà Nội.

12. Ông Phùng Văn T sinh năm 1982, (có mặt)

Trú tại: Tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

13. Bà Phạm Thị H5 sinh năm 1993, (vắng mặt)

Trú tại: thôn Đ, xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH H có trụ sở tại tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp, đăng ký lần đầu ngày 26/7/2011, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 27/5/2015, người đại diện theo pháp luật là Triệu Thị Q - Giám đốc, Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế tại Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn, ngành nghề kinh doanh chính gồm: “*Xây dựng nhà các loại, chuẩn bị mặt bằng, xây dựng công trình đường bộ, lắp đặt hệ thống điện...*”.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Triệu Thị Q là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty, đồng thời trực tiếp thực hiện việc kê khai, quyết toán thuế của Công ty với Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn. Trong các năm 2015, 2016 và 2017, Triệu Thị Q đã có hành vi sử dụng thông tin cá nhân và chứng minh nhân dân của những người không làm việc tại Công ty để lập khống nhiều hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền lương, sau đó ghi nhận tài khoản phải trả người lao động, hạch toán tăng chi phí quản lý kinh doanh của Công ty không đúng thực tế với tổng số tiền **1.188.400.000** đồng (*một tỷ, một trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng*), từ đó làm giảm tiền thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty TNHH H phải nộp cho Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn, cụ thể như sau:

- **Năm 2015**, Triệu Thị Q sử dụng thông tin cá nhân và chứng minh nhân dân của 11 (mười một) người để lập khống hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền

lương, hạch toán tăng chi phí quản lý kinh doanh của Công ty không đúng thực tế với tổng số tiền **784.800.000** đồng (*bảy trăm tám mươi tư triệu, tám trăm nghìn đồng*) gồm các trường hợp:

- + Lèng Thị Thu H1 với số tiền 31.800.000 đồng (*ba mươi một triệu, tám trăm nghìn đồng*);
- + Triệu Văn H2 với số tiền 84.000.000 đồng (*tám mươi tư triệu đồng*);
- + Triệu Văn K với số tiền 90.000.000 đồng (*chín mươi triệu đồng*);
- + Triệu Văn Q với số tiền 90.000.000 đồng (*chín mươi triệu đồng*);
- + Lục Xuân T2 với số tiền 90.000.000 đồng (*chín mươi triệu đồng*);
- + Dương Thị Hồng N1 với số tiền 26.000.000 đồng (*hai mươi sáu triệu đồng*);
- + Dương Thị H3 với số tiền 31.000.000 đồng (*ba mươi một triệu đồng*);
- + Ngô Trí H4 với số tiền 78.000.000 đồng (*bảy mươi tám triệu đồng*);
- + Nguyễn Văn L với số tiền 90.000.000 đồng (*chín mươi triệu đồng*);
- + Nguyễn Hữu S với số tiền 84.000.000 đồng (*tám mươi tư triệu đồng*);
- + Nguyễn Phúc L1 với số tiền 90.000.000 đồng (*chín mươi triệu đồng*);

- **Năm 2016**, Triệu Thị Q sử dụng thông tin cá nhân và chứng minh nhân dân của 05 (năm) người để lập không hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền lương, hạch toán tăng chi phí quản lý kinh doanh của Công ty không đúng thực tế với tổng số tiền **250.000.000** đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*) gồm: Lèng Thị Thu H1 với số tiền 36.000.000 đồng (*ba mươi sáu triệu đồng*), Dương Thị Hồng N1 với số tiền 36.000.000 đồng (*ba mươi sáu triệu đồng*), Dương Thị H3 với số tiền 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*), Lục Xuân T2 với số tiền 89.500.000 đồng (*tám mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng*) và Nguyễn Phúc L1 với số tiền 82.500.000 đồng (*tám mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng*).

- **Năm 2017**, Triệu Thị Q sử dụng thông tin cá nhân và chứng minh nhân dân của 04 (bốn) người để lập không hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền lương, hạch toán tăng chi phí quản lý kinh doanh của công ty không đúng thực tế với tổng số tiền **153.600.000** đồng (*một trăm năm mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng*) gồm: Lèng Thị Thu H1 với số tiền 32.400.000 đồng (*ba mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng*), Triệu Văn K với số tiền 48.000.000 đồng (*bốn mươi tám triệu đồng*), Triệu Văn Q với số tiền 37.200.000 đồng (*ba mươi bảy triệu, hai trăm nghìn đồng*) và Lục Xuân T2 với số tiền 36.000.000 đồng (*ba mươi sáu triệu đồng*).

Căn cứ bản Kết luận giám định ngày 19/10/2018 và bản Kết luận giám định ngày 31/01/2019 xác định: Công ty TNHH H có hành vi trốn thuế, loại thuế trốn là thuế thu nhập doanh nghiệp và tổng số tiền thuế trốn là **237.640.000** đồng (*hai trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*), trong đó: Năm 2015 là 156.960.000 đồng; Năm 2016 là 50.000.000 đồng; Năm 2017 là 30.680.000 đồng.

Quá trình điều tra, truy tố, Triệu Thị Q đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của Triệu Thị Q phù hợp với lời khai của Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. *Tại Cáo trạng số 11/CT-VKSTPBK ngày 03/4/2019 của VKSND thành phố Bắc Kạn truy tố bị cáo Triệu Thị Q về tội "Trốn thuế" theo quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và tại bản luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cụ thể như sau:*

*Tuyên bố bị cáo Triệu Thị Q phạm tội: "Trốn thuế".

- Áp dụng: điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31; khoản 1 Điều 161 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b Khoản 1, điểm h Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 .

+ Xử phạt: bị cáo Triệu Thị Q từ 06 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ; Không khấu trừ thu nhập. Phạt bổ sung bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

*Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; các Điều 584, 585, 589, 597 Bộ luật dân sự, buộc Công ty TNHH H (Do bị cáo Triệu Thị Q là người đại diện) phải nộp lại toàn bộ số tiền thuế đã trốn là **237.640.000** đồng (*hai trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*) để nộp Ngân sách Nhà nước qua Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận bị cáo đã nộp đủ số tiền trên theo ủy nhiệm chi ngày 18/4/2019 của Công an tỉnh Bắc Kạn cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn và biên lai thu tiền ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

*Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị xử lý:

- Báo cáo tài chính, hợp đồng lao động, bảng lương... trong các năm 2015, 2016, 2017; Những vật chứng này là chứng cứ của vụ án nên cần được lưu trong hồ sơ vụ án.

- Số tiền **237.640.000** đồng (*hai trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*) được nộp vào ngân sách nhà nước qua Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn.

*Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng, mong Hội đồng xét xử xem xét xử với mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Kạn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Triệu Thị Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đủ cơ sở kết luận: Trong các năm 2015, 2016 và 2017, tại Công ty TNHH H, trụ sở tại tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, Triệu Thị Q với cương vị là Giám đốc Công ty đã có hành vi sử dụng thông tin cá nhân và chứng minh nhân dân của 11 (mười một) người không làm việc tại Công ty lập không hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền lương, sau đó ghi nhận tài khoản phải trả người lao động, hạch toán tăng chi phí quản lý kinh doanh của Công ty không đúng thực tế để trốn thuế thu nhập doanh nghiệp, với tổng số tiền thuế đã trốn là 237.640.000 đồng (*hai trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

[3] Hành vi nêu trên của Triệu Thị Q đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trốn thuế” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 161 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trốn thuế với số tiền từ một trăm triệu đồng đến dưới ba trăm triệu đồng hoặc dưới một trăm triệu đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 164, 193, 194, 195, 196, 230, 232, 233, 236 và 238 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ một lần đến năm lần số tiền trốn thuế hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm.”

Cáo trạng số 11/CT-VKSTP ngày 03/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, xâm phạm đến các quan hệ xã hội, bảo đảm cho sự ổn định và phát triển kinh tế quốc dân. Hành vi trốn thuế của bị cáo gây thiệt hại cho nhà nước, làm suy giảm đến ngân sách Nhà nước. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử không chỉ nhằm giáo dục riêng bị cáo mà còn mang tính giáo dục phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là: Người phạm tội bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[6] Về khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ và hình phạt bổ sung:

- Về khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ: Theo các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ và lời khai của bị cáo cho thấy từ khi khởi tố vụ án đến nay, hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH H không ổn định, nên thu nhập của bị cáo cũng không ổn định. Vì vậy, hội đồng xét xử không áp dụng biện pháp khấu trừ một phần thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 161 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), điều luật quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ một lần đến ba lần số tiền trốn thuế”. Nhưng tại khoản 4 Điều 200 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về Tội trốn thuế quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...”.

Như vậy, hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nhẹ hơn mức hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 161 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Do đó áp dụng điểm b khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 và áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, thì áp dụng khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), để phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với những người gồm: Lèng Thị Thu H1, Triệu Văn H2, Triệu Văn K, Triệu Văn Q, Lục Xuân T2, Dương Thị H3, Dương Thị Hồng N1, Nguyễn Phúc L1, Ngô Trí H4, Nguyễn Văn L, Nguyễn Hữu S, quá trình điều tra xác định việc Triệu Thị Q sử dụng thông tin cá nhân của những người trên để lập khống các tài liệu, chứng từ không hợp pháp phục vụ cho việc trốn thuế như nêu trên thì họ hoàn toàn không biết và không được hưởng lợi ích gì. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với những người trên là đúng quy định.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự yêu cầu Công ty TNHH H phải nộp lại toàn bộ số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã trốn trong các năm 2015, 2016, 2017 để nộp ngân sách Nhà nước qua Cục thuế tỉnh Bắc Kạn với số tiền là 237.640.000 đồng (*hai trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*). Ngày 15/10/2018, bị cáo tự nguyện nộp số tiền 214.640.000 đồng (*hai trăm mười bốn triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*) vào tài khoản tạm giữ của Công an tỉnh Bắc Kạn và ngày 03/5/2019, bị cáo tự nguyện nộp số tiền 23.000.000 đồng (*hai mươi ba triệu đồng*) cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn để khắc phục hậu quả số tiền đã trốn thuế.

[8] Về vật chứng trong vụ án:

- Báo cáo tài chính, hợp đồng lao động, bảng lương... trong các năm 2015, 2016, 2017; Những vật chứng này là chứng cứ của vụ án nên cần được lưu trong hồ sơ vụ án.

- Nộp ngân sách Nhà nước qua Cục thuế tỉnh Bắc Kạn số tiền là 237.640.000 đồng (*hai trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*) bị cáo đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả số tiền trốn thuế và hiện nay Chi cục Thi hành

án dân sự thành phố Bắc Kạn đang tạm giữ, sẽ tiếp tục tạm giữ để trừ vào số tiền trốn thuế của Công ty TNHH H.

- Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do bị cáo nộp tiền bồi thường khắc phục hậu quả trước khi mở phiên tòa nên số tiền nộp trước đó bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (Căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Triệu Thị Q phạm tội "*Trốn thuế*".

*Áp dụng: Khoản 1 Điều 161; Điều 31; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b Khoản 1, điểm h Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

-Xử phạt: Bị cáo Triệu Thị Q 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Triệu Thị Q cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Triệu Thị Q 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; các Điều 584, Điều 585, Điều 589 và Điều 597 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc Công ty TNHH H phải nộp ngân sách Nhà nước qua Cục thuế tỉnh Bắc Kạn với số tiền là **237.640.000** đồng (*hai trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Việc thi hành án đối với số tiền phải nộp được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Báo cáo tài chính, hợp đồng lao động, bảng lương... trong các năm 2015, 2016, 2017; Những vật chứng này là chứng cứ của vụ án nên cần được lưu trong hồ sơ vụ án.

- Nộp ngân sách Nhà nước qua Cục thuế tỉnh Bắc Kạn số tiền là 237.640.000 đồng (*hai trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*) bị cáo đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả số tiền trốn thuế của Công ty TNHH H và hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn đang tạm giữ (Ngày 15/10/2018, bị cáo tự nguyện nộp số tiền 214.640.000 đồng cho Công an tỉnh Bắc

Kạn và Công an tỉnh Bắc Kạn đã chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn; Ngày 03/5/2019, bị cáo tự nguyện nộp số tiền 23.000.000 đồng cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Triệu Thị Q phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự” - Theo Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND thành phố Bắc Kạn (01b);
- Công an thành phố Bắc Kạn (02b);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn (Khi án có hiệu lực - 01b);
- Sở Tư pháp;
- Người tham gia tố tụng (01b);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Văn Tư